

SỞ HỮU RUỘNG ĐẤT HAI LỐI NHÌN - MỘT LỐI THOÁT

LUU HÀ VĨ
(PTS triết học)



Dẫu rằng vấn đề sở hữu ruộng đất đã được giải quyết trong cương lĩnh đổi mới từ Đại Hội VII của Đảng, và tiếp đó được thể chế hoá trong Hiến pháp Cộng hoà XIHCN VN với sự nhất trí cao thể nào chăng nữa, thì SỰ THẬT vẫn là SỰ THẬT.

- Thứ nhất việc tranh luận trong xã hội về sở hữu ruộng đất (đặc biệt trong giới nghiên cứu khoa học) chưa hề ngả ngùi.

- Thứ hai, quan hệ sở hữu vốn là quan hệ vật chất - khách quan vẫn tự mở đường cho mình trong cuộc sống theo những qui luật vốn có của nó, bất luận khát vọng, ý chí của các giai cấp, các chính đảng và pháp luật hiện hành của Nhà nước là thế nào.

Hơn nữa, ở một đất nước mà các quan hệ tiền tư bản còn phổ biến, lại đang chịu đựng khủng hoảng để đi lên, đòi hỏi một lối nhìn và lối thoát khoa học và nhất quán về vấn đề sở hữu ruộng đất mới hy vọng giải phóng phần lực lượng sản xuất (L.SX) lớn nhất cả về người (tức giai cấp nông dân), lẫn vật (tức ruộng đất).

Với tinh thần đó, tác giả bài này không ngần ngại nêu lên hai quan niệm tương phản về sở hữu ruộng đất - tuy cả hai đều tồn tại trên cùng một mảnh đất hiện thực cuộc sống; và bằng cách đó, hy vọng góp một tiếng nói của lí trí vào công cuộc đổi mới hiện nay.

VỀ QUAN NIỆM THỨ NHẤT

Báo cáo chính trị tại Đại hội VII của Đảng ghi rõ: "Trên cơ sở chế độ sở hữu toàn dân về đất đai, ruộng đất được giao cho nông dân sử dụng lâu dài. Nhà nước qui định bằng pháp luật các vấn đề thừa kế, chuyển quyền sử dụng ruộng đất" (1). Trước Đại hội VII, Hội nghị TW lần thứ 12 (khoá VI) cũng đã nhấn mạnh rằng không thể tư hữu hoá ruộng đất vì sẽ dẫn đến phân hoá lớn về giai cấp, cản trở việc qui hoạch xây dựng kết cấu hạ tầng và các cơ sở vật chất khác và sẽ làm căng thẳng thêm vấn đề tranh chấp ruộng đất vốn đã phức tạp (2).

Không ít người làm công tác lí luận đã cố gắng tìm kiếm các lý do "đặc thù" để "luân chung" cho rằng việc xã hội hoá ruộng đất diễn ra sớm hơn so với nhiều tư liệu sản xuất (T.LSX) khác như "một tính qui luật", chẳng hạn:

- Ruộng đất là T.LSX đặc biệt do nhiều thể hệ tạo nên.

- Ruộng đất (RD) là T.LSX có tính chất xã hội hoá đặc biệt, chẳng hạn một người phá rừng nơi này có thể ảnh hưởng môi sinh nơi khác.

- Ruộng đất là hàng hoá đặc biệt mà kẻ mua người bán không thể đem đi nơi khác. Việc mua bán RD chỉ là "mua bán quyền sử dụng RD" mà thôi.

- Cả trong chế độ phong kiến vẫn có một phần "quốc gia công thổ" (tức RD thuộc sở hữu Nhà nước - đặc biệt là phương thức sản xuất châu A) hưởng hồ VN là XIHCN.

- Khẩu hiệu "người cày có ruộng" trong chương trình nghị sự cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân chỉ giới hạn trong ý nghĩa "có ruộng để sử dụng chứ không phải để sở hữu". Hơn nữa, cũng không có lý do gì để chúng ta phải lùi lại giai đoạn dân chủ nhân dân mà lịch sử đã vượt qua (3).

- Chế độ sở hữu RD toàn dân chỉ là pháp lý, còn quyền sử dụng thực tế vẫn thuộc nông dân.

Có thể tất cả những cách hiểu như vậy đều cùng dòng với quan niệm chính thống về RD. Song, như Lênin chỉ rõ: các sự thật kinh tế thường bùng binh! Do đó chẳng có gì là khi bên cạnh quan điểm chính thống đó đây, đang và sẽ tồn tại một quan niệm khác.

VỀ QUAN NIỆM THỨ HAI

Quan niệm này cho rằng hãy còn quá xa để thực hiện xã hội hoá RD hoàn toàn khi mà điểm xuất phát của tiến trình cách mạng kinh tế về cơ bản vẫn chưa vượt qua tình trạng sản xuất nhỏ (với bình quân thu nhập đầu người 200 USD/năm)

Nguyên tắc phương pháp luận hàng đầu để tiếp cận kết luận này không gì khác hơn là qui luật quan hệ sản xuất phải phù hợp với trình độ và tính chất của lực lượng sản xuất (Q.LSX). Làm sao hiểu nổi cái gọi là sở hữu XIHCN về RD lại có thể tương dung với một trình độ thủ công và tính chất cá nhân căn bản còn ngự trị trên "đại dương tiểu nông" ở nước ta? Rõ ràng, xã hội hoá RD như vậy thực chất không phải là kết cục logic từ sự chín muồi của bản thân trình độ và tính chất của lực lượng sản xuất, mà chỉ là kết quả thuần túy của ý chí và sắc lệnh quốc hữu hoá như một hành vi "tự trên xuống". Cần phải gọi sự vật đúng tên: Đó

không phải là chế độ sở hữu RD XIHCN mà chỉ là một quan hệ phi kinh tế được áp đặt lên đời sống kinh tế.

Ba lý do bảo vệ cho ý chí và sắc lệnh đó (tránh "dẫn đến phân hoá lớn về giai cấp, cản trở việc qui hoạch xây dựng kết cấu hạ tầng và các cơ sở vật chất khác và làm căng thẳng thêm vấn đề tranh chấp RD vốn đã phức tạp") - ba lý do ấy, thế thôi, thuần túy mang ý nghĩa đạo lý và chính trị, chứ thiếu hẳn yếu tố khoa học.

Nói đến khoa học là nói tới qui luật. Chưa bao giờ lời dạy của Engels lại thấm thía đến thế đối với những người cộng sản trong điều kiện đảng cầm quyền: Đứng ba giờ quyền rằng CNXH từ khi trở thành khoa học phải được đối xử bằng khoa học, nghĩa là phải được nghiên cứu.

Biện chứng của L.SX và quan hệ sản xuất (tức Q.LSX) hoàn toàn xa lạ với một loại lý do "đặc thù" vừa nêu nhằm biện hộ cho quan niệm và giải pháp chính thống về sở hữu RD. Đã là qui luật thì phải phổ biến, đã là cái phổ biến thì phải thống nhất với cái đối lập biện chứng của nó là đặc thù. Biện chứng của cái phổ biến và cái đặc thù dạy rằng: cái đặc thù phải tuân thủ cái phổ biến (tức qui luật) mới đủ tư cách "cái đặc thù"; bằng không nó không phải là cái đặc thù, chỉ là "cái ngoại lệ" thuộc lớp sự vật khác, quan hệ khác, vận động theo cái phổ biến (tức qui luật) khác.

Chắc chắn rằng, khi phát hiện ra qui luật vĩ đại nhất như sợi chỉ đỏ xuyên suốt lịch sử phát triển nhân loại (tức Q.LSX) và lần đầu tiên đem lại quan niệm về quá trình phát triển này là "quá trình lịch sử - tự nhiên", Marx không hề "mờ ngơ đơn" cho "cái ngoại lệ" (chứ không phải "cái đặc thù") rằng: kể từ đây các quan hệ tiểu nông còn phổ biến mà những người cộng sản giành được chính quyền thì có thể và cần phải áp đặt sắc lệnh quốc hữu hoá toàn bộ RD để quá độ lên CNXH, bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa (TBCN) (!). Không phải một lần các nh kinh điển của chủ nghĩa duy vật lịch sử d cảnh cáo nguy cơ các thể hệ cộng sản tuơng lại có thể dùng "sắc lệnh cộng sản", để xo các Q.LSX (mà sở hữu là gốc) còn địa bàn phát triển cho L.SX. Trong Hệ tư tưởng, Đức, Marx đã sớm tiên tri về tấn bi kịch xã hội của nguy cơ duy ý chí đó: "nếu không có tiền đề tuyệt đối cần thiết" là phát triển sản xuất mà với và xã hội hoá các T.LSX thì "... tất cả sẽ chỉ là một sự nghèo nàn d trở thành phổ biến, mà với sự thiếu thốn th cũng bắt đầu trở lại cuộc đấu tranh đ giành giật những cái cần thiết, thế là người ta lại không tránh khỏi rơi vào những sự t tiền như trước đây" (4). Từ trước Cách mạng tháng Mười, trong cuộc đấu tranh chống một khuynh hướng cuồng nhiệt tiêu tư sản và phiêu lưu cách mạng của ph

Đàn tủy "hứa hẹn xã hội hóa RD" bất chấp điều kiện lịch sử cụ thể, Lênin cũng cảnh báo trước rằng điều đó sẽ "cổ xúy chủ nghĩa quan liêu".

Chắc hẳn bạn sẽ hỏi: Đánh giá thế nào về sắc lệnh về RD của Lênin ban hành ngay từ ngày thứ hai của Cách mạng tháng Mười?

Theo tôi, trong bối cảnh cách mạng chính trị khốc liệt lúc đó (giành chính quyền đã khó, giữ chính quyền còn khó hơn), Lênin và những người bạn sẽ vạch đường tắt áp dụng mô hình cộng sản thời chiến mà sắc lệnh quốc hữu hóa hoàn toàn RD là một yếu tố cấu thành vững chắc. Mô hình này tỏ ra trung thành với nguyên tắc "Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản" "xóa bỏ chế độ tư hữu". "Tuột đoạt sở hữu RD và bỏ địa tô vào quỹ chi tiêu của nhà nước" (5), nhưng chưa tính đến điều kiện mà Marx đã căn dặn "đổi với những nước tiền tiến nhất..." (6). Nói cách khác, việc xóa bỏ chế độ tư hữu (không có ngoại lệ cho bất cứ TLSX nào) trong toàn bộ sự nghiệp vô sản trước hết phải tuân thủ QLOL độ là khoa học, hơn nữa là nghệ thuật. Tiếc rằng mặc dù mô hình cộng sản thời chiến đã bùng nổ khủng hoảng từ tháng 3/1921 và bị phủ định bởi mô hình NEP (Chính sách kinh tế mới do Lênin đề xướng), song sắc lệnh về RD vẫn được giữ nguyên vẹn trong NEP và trở thành một trong những dấu ấn đậm nhất về sở hữu cho đến tận ngày sụp đổ của mô hình cũ Liên Xô và Đông Âu vừa qua.

Thật ra không phải tất cả các nước Đông Âu cùng hệ thống với LX (ra đời sau đại chiến thứ II) đều lặp lại dấu ấn này, nghĩa là RD chỉ được quốc hữu hóa một phần, phần còn lại thuộc sở hữu nông dân. Theo tôi, chính chỗ khác biệt này về chế độ sở hữu là nguyên nhân sâu xa và chủ yếu nhất giải thích sự chênh lệch đáng kể giữa LX (cũ) và các nước còn lại trên cả ba khía cạnh: nông nghiệp, nông dân, nông thôn. Đương nhiên, sau "những cuộc cách mạng nhưng" mà thực chất là những cuộc đảo chính phản cách mạng, thì việc hồ hào tư nhân hóa toàn bộ RD lại rơi vào một cực đoan khác, hoàn toàn phù hợp với lập trường tư sản.

Có một cách tiếp cận khác đối với cái đặc thù chân chính trong quá trình xã hội hóa RD và tất yếu đi đến kết luận về sự chậm trễ mang tính qui luật của quá trình này so với các ngành khác. Đó chính là cái đặc thù sinh học trực tiếp chi phối nông nghiệp, nông dân, nông thôn với tất cả tính nhạy cảm của vỏ số giống cây con khác nhau, tại những vùng thổ nhưỡng khác nhau với những biến đổi của thời tiết và các đối khí hậu khác nhau. Nhà bác học nông học Nga trứ danh Chi-a-nốp từ những năm 20 đã phát hiện ra cái đặc thù đó: quá trình hợp tác hóa, tập thể hóa diễn ra càng xa các quá trình sinh học thì càng ít tác hại. Triết lý này càng có ý nghĩa biết bao đối với nông nghiệp nhiệt đới mà phần lớn là lúa nước như Việt Nam phải trông trời mây mà chăm sóc cây con. Chủ thể sở hữu trong công việc tương giản đơn này - cho dù LLSX đã vượt qua cơ khí hóa - vẫn khó hình dung là "toàn dân" hay "nhà nước" trừu tượng, mà chỉ có thể là những chủ thể bằng xương bằng thịt, là những lao động nông nghiệp đích thực!

Sở hữu RD vừa bị chi phối bởi QLOL và các qui luật đặc thù sinh học như vậy, do đó chỉ có thể giải quyết ở tầm cách

mang dân chủ nhân dân chứ chưa phải XHCN. Đây là vấn đề rất lớn về lý luận và thực tiễn mà khuôn khổ bài viết không cho phép trình bày tất cả sự phân tích độc lập của tác giả. Dù sao, tôi vẫn xin nêu ý kiến của mình với một vài lập luận cơ bản nhất:

Thứ nhất cương lĩnh cách mạng dân tộc dân chủ của Đảng từ ngày ra đời cho tới Đại hội II (1951 ở Việt Bắc) tuy vạch ra hai giai đoạn CMDTDC và CMXHCN, nhưng không hề chủ trương rằng, sự kết thúc của CM giải phóng dân tộc đồng thời là sự bắt đầu CMXHCN với sự thiết lập chuyên chính vô sản. Nghĩ và làm như vậy sẽ cắt xén nội dung dân chủ của tiến trình cách mạng ở giai đoạn đầu. Kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ chủ yếu là phản đế để giành độc lập dân tộc, còn phản phong chỉ kết hợp một phần trong chiến tranh; sau chiến tranh đã giao ruộng cho nông dân sở hữu (ở miền Bắc từ giải phóng đến trước hợp tác hóa) còn ở miền Nam sau giải phóng, nông dân vẫn chưa một ngày là chủ sở hữu ruộng đất về mặt pháp lý.

Thật ra phạm trù cách mạng dân chủ không giản đơn là xóa ách nô dịch của địa chủ-phong kiến, mà phải bao hàm việc lật xáo căn bản cái nền tảng kinh tế-xã hội của ách nô dịch đó là hệ thống các quan hệ tiểu nông. Đây là sự nghiệp đầy khó khăn, mà trong trường hợp thuận lợi và không phạm sai lầm thì phải mất nhiều thập niên.

Mỗi kiểu cách mạng xã hội - xét về mặt cách mạng chính trị - cho ra đời một kiểu chuyên chính tương ứng. Cách mạng tư sản để ra chuyên chính tư sản, cách mạng XHCN (Tháng 10 Nga) để ra chuyên chính vô sản, còn cách mạng dân chủ kiểu mới (còn gọi tư sản dân quyền dưới sự chỉ đạo của hệ tư tưởng mácxít, dựa vào động lực liên minh công nông) - theo Lênin - để ra chuyên chính dân chủ cách mạng của công nhân và nông dân với tư cách một chuyên chính quá độ giữa chuyên chính tư sản và chuyên chính vô sản. Chống lại mưu toan đốt cháy giai đoạn, Lênin nhấn mạnh rằng: "Chuyên chính dân chủ cách mạng của công nhân và nông dân có quá khứ và tương lai của mình. Quá khứ là chuyên chính tư sản và tương lai là chuyên chính vô sản"; chuyên chính này "không thể dụng chạm đến những cơ sở của CNTB (chúng nào mà cách mạng chưa phát triển qua hàng loạt những giai đoạn trung gian). Giới lãnh thổ chuyên chính đó cũng chỉ có thể tiến hành việc chia lại một cách triệt để ruộng đất cho nông dân, thực hành một chủ nghĩa dân chủ triệt để, cho đến cả việc thành lập chế độ cộng hòa; trừ diệt tận gốc những tàn tích nô dịch kiểu châu Á không những trong cuộc sống ở nông thôn, mà còn cả trong cuộc sống ở nhà máy nữa..." (1).

Lênin cũng đã nêu ba điều kiện tất yếu cho quá trình chuyển hóa từ chuyên chính dân chủ cách mạng sang chuyên chính vô sản như sau:

1. Phải duy trì và tăng cường bá quyền lãnh đạo của Đảng Cộng sản từ chuyên chính trước sang chuyên chính sau;
2. Phải duy trì và tăng cường liên minh công nông từ chuyên chính trước sang chuyên chính sau.
3. Bản thân chuyên chính dân chủ cách mạng phải tạo đủ điều kiện để chuyển sang chuyên chính vô sản (CCVS).

Như vậy quan niệm về thời điểm

thiết lập CCVS của ta nói chung và xã hội hóa hoàn toàn RD nói riêng là xa lạ với quan niệm biện chứng của Lênin về sự phân kỳ các giai đoạn trong tiến trình cách mạng kiểu mới. Hai giai đoạn, hai kiểu chuyên chính, hai chế độ chính trị-kinh tế-xã hội tuy cùng dòng chảy nhưng vẫn khác nhau về chất. Vì vậy chiến lược sở hữu RD phải xác định đúng vị trí của mình trong dòng chảy đó.

Thứ hai, vì sao khẩu hiệu "người cày có ruộng" giờ đây phải được hiểu là "cỏ ruộng để sử dụng chứ không phải để sở hữu"? Nếu "người cày có ruộng" nghĩa là chỉ được sử dụng ruộng thôi chứ không phải để sở hữu thì thử hỏi người nông dân (chiếm 90% dân số) sẽ nghĩ như thế nào?

Thứ ba, RD không được đa dạng hóa sở hữu (chỉ nhất thể hóa là toàn dân do nhà nước đại diện) Điều đó tự nó khiến bức tranh nhiều thành phần kinh tế trở nên kém hoàn chỉnh. Vì về logic chỉ còn kinh tế quốc doanh trên mặt bằng đất nhà nước, còn lại tất cả bị qui tụ thành "công ty hợp doanh" (tức tư bản nhà nước) cả: mọi doanh nghiệp đều cần một suất đất của nhà nước để tồn tại cơ mà!

Thứ tư, sở hữu RD cũng gắn bó hữu cơ với sản xuất và tái sản xuất hàng hóa. Ở đây cũng dễ dàng phát hiện một lỗi logic tương tự khi chủ trương phát triển sản xuất hàng hóa theo cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước. Không một căn cứ khoa học nào cũng như không một định chế pháp lý nào ngăn cản hoặc che dấu qui luật hàng hóa đối với TLSX là RD. Giá cả đắt dai là có thật và việc mua bán đất đai cũng có thật, nơi lên lút, nơi công khai. Đặc biệt thị trường địa ốc đang bùng nổ, trước hết ở các trung tâm kinh tế. Luận điểm "mua bán quyền sử dụng chứ không phải mua bán chính ruộng đất" chẳng giải quyết được vấn đề gì đối với loại TLSX - bất động sản này. Trong trường này, tác giả Việt Phương có lý khi cho rằng: tách quyền sở hữu và quyền sử dụng là cực kỳ siêu hình.

Trong khuôn khổ cho phép của bài viết, lần nữa, tôi khẳng định rằng cần phải đa dạng hóa sở hữu cùng như hàng hóa - hóa đối với TLSX - ruộng đất. Đó là qui luật, nhưng đó cũng là thách thức lớn lao đối với Đảng và Nhà nước. Sở hữu RD là vấn đề dân chủ không chỉ chi phối số phận một giai cấp, mà chi phối cả tiến trình cách mạng kiểu mới của chúng ta. Món nợ lớn nếu không gọi là lớn nhất - cả về lý luận và chính trị-thực tiễn là DAN CHU với nghĩa rộng nhất của từ ngữ trong đó sở hữu RD là một trong những vấn đề cốt lõi. Còn việc xác định về pháp lý như thế nào đối với sở hữu và hàng hóa RD, điều đó đối với tôi, chỉ thuộc phạm trù tổ chức - thực tiễn. Lúc đó "nghệ thuật phân phối sự thiếu thốn" - như cách nói của Lênin - sẽ biểu hiện tính sinh động của mình.

LHV

(1) Văn kiện Đại hội toàn quốc lần thứ VII, ĐCSVN, NXB Sự Thật, HN, tr.68.

(2) Sdd, tr. 117.

(3) Sdd, tr. 110.

(4) Mác Anghen: *Hệ tư tưởng Đức*, NXB Sự Thật, HN, 1894, tr.45

(5) (6) Mác Anghen: *Tuyên ngôn của Đảng Cộng Sản*, NXB Sự Thật, HN, 1976, tr.79.

(7) Lênin, *Toàn tập*, T.11, tr.54.